TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TÂN BÌNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 564/2019/DS-ST
Ngày: 25/11/2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Phước Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Liên

Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Chí Thành- Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hà- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2019/TLST–DS ngày 03 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2019/QĐST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 241/2019/QĐST–DS ngày 30 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S, địa chỉ: Đường K, Phường E, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M1 (Văn bản ủy quyền số 1910/2019/UQ-TTT ngày 01/10/2019).

2. Bị đơn: Ông Phạm Nhất N; địa chỉ: Đường D, Phường M2, quận T, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2018, nguyên đơn Ngân hàng TMCP S trình bày:

Ngày 30/7/2011, ông Phạm Nhất N có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng kèm theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng (Sau đây gọi tắt là hợp đồng) với Ngân hàng TMCP S (Sau đây gọi tắt là

Ngân hàng). Căn cứ hợp đồng trên, Ngân hàng đã phát hành cho ông N 01 thẻ tín dụng có hạn mức là 10.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Quá trình sử dụng thẻ ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 9.283.000đ và đã thanh toán cho ngân hàng số tiền 1.300.000đ. Do vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 26/02/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ số dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn đối với ông N.

Nay Ngân hàng yêu cầu ông N thanh toán hết số nợ gốc và lãi phát sinh theo quy định trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong số nợ trên.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S do ông Nguyễn Ngọc M1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ, tính đến ngày 25/11/2019 ông N còn nợ các khoản sau: Nợ gốc: 10.847.226đ; lãi quá hạn: 33.000.630đ; tổng cộng: 43.847.856đ. Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật; ngoài ra, bị đơn còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh kể từ 26/11/2019 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả xong nợ gốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến: Về tố tụng, trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, đương sự đều đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với bị đơn có nơi cư trú tại quận Tân Bình nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự:

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng và không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của đương sự đã được xem xét tại phiên tòa đã đủ cơ sở xác định:

Ngày 30/7/2011, Ngân hàng TMCP S và ông Phạm Nhất N đã ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, hạn mức: 10.000.000đ, mục đích tiêu dùng cá nhân.

Tại bản tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp thể hiện: Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện giao dịch lần đầu vào ngày 25/8/2011 với số tiền 7.988.000đ; lần cuối cùng vào ngày 25/9/2011 với số tiền 1.295.000đ; ngày 25/11/2011 thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.300.000đ. Ngày 25/02/2012, số dư nợ đầu kỳ của ông N là 10.409.142đ; phí trễ hạn là 162.910đ; lãi là 225.174đ; phí VHM là 50.000đ và số dư nợ cuối kỳ là 10.847.226đ.

[2.2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/7/2011 và tóm tắt sao kê do Ngân hàng cung cấp đã đủ cơ sở xác định ông N đã sử dụng thẻ tín dụng thực hiện nhiều giao dịch và vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ, chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn và yêu cầu bị đơn thanh toán tiền còn nợ và tiền lãi phát sinh là phù hợp với thỏa thuận đã quy định tại Điều 2, Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng kèm theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/7/2011 và Thông báo thay đổi lãi suất thẻ tín dụng số 113/TB-TTT ngày 04/7/2011 của Ngân hàng.

Thực hiện nghĩa vụ trả tiền, Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định:

"1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận.

2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác."

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi, cụ thể: Nợ gốc: 10.847.226đ; lãi quá hạn: 33.000.630đ; tổng cộng: 43.847.856đ.

Xét việc bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán đã gây thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số nợ trên làm một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu thêm tiền lãi phát sinh kể từ 26/11/2019 cho đến khi trả xong dứt nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, ông N vắng mặt không lý do chính đáng, cũng không đưa ra phản hồi hay chứng cứ nào để chứng minh cho quan điểm của mình. Vì vậy, ông N phải chịu hậu quả pháp lý đối với sự vắng mặt của mình.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do có nghĩa vụ thanh toán nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 147; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 290; 471 của Bộ luật dân sự 2005 đã được sửa đổi bổ sung năm 2011;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

2. Buộc ông Phạm Nhất N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền còn nợ bao gồm: Nợ gốc: 10.847.226đ *(Mười triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn hai trăm hai mươi sáu đồng)*; lãi quá hạn: 33.000.630đ *(Ba mươi ba triệu sáu trăm ba mươi đồng)*; tổng cộng: 43.847.856đ *(Bốn mươi ba triệu tám trăm bốn mươi bảy ngàn tám trăm năm mươi sáu đồng)*.

Thanh toán ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Ông Phạm Nhất N còn phải chịu tiền lãi phát sinh kể từ 26/11/2019 theo lãi suất thỏa thuận được quy định hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 30/7/2011 cho đến khi thi hành xong số nợ gốc trên.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phạm Nhất N phải chịu 2.192.361đ *(Hai triệu một trăm chín mươi hai ngàn ba trăm sáu mươi mốt đồng)*.

5. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 1.017.485đ *(Một triệu không trăm mười bảy ngàn bốn trăm tám mươi lăm đồng)* theo Biên lai thu số 0038123 ngày 25/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

6. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc niêm yết bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Phước Lý

***Nơi nhận*:**
- TAND TP.HCM;
- VKSND QTB;
- Chi cục THADS QTB;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.